

## KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC LOÀI XÉN TÓC (CERAMBYCIDAE, COLEOPTERA) ĐỘC TUYẾN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH QUA TÂY NGUYÊN

HOÀNG VŨ TRỤ, TẠ HUY THỊNH, CAO THỊ QUỲNH NGA

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua 4 tỉnh của Tây Nguyên gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông có chiều dài 538 km. Trong phạm vi 2 km ở hai bên đường hầu như không còn rừng tự nhiên, với cảnh quan là hệ sinh thái tự nhiên bị ảnh hưởng mạnh bởi hoạt động lao động sản xuất và sinh hoạt của con người, ở đây chỉ còn lại sự có mặt của rừng trồng (chủ yếu là thông), các khu dân cư xen kẽ với các hệ sinh thái nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các cây công nghiệp như cao su, cà phê, điều, tiêu, ca cao, chè. Cho tới nay, chưa có nghiên cứu riêng nào về họ Xén tóc ở khu vực Tây Nguyên. Trong bài báo này, chúng tôi đưa ra thành phần và sự phân bố của các loài Xén tóc từ kết quả điều tra trong các năm 2008, 2009 và 2011 ở khu vực nghiên cứu nói trên. Công trình nghiên cứu này được sự hỗ trợ của đề tài cấp Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, mã số VAST 08.03/11-12.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thời gian nghiên cứu: Các đợt điều tra thực địa được triển khai vào các tháng 6/2008, tháng 5/2009 và tháng 4, 5 và tháng 6/2011.

Địa điểm nghiên cứu: 9 điểm đại diện được chọn để nghiên cứu điều tra mẫu định lượng, trong đó tỉnh Kon Tum có 2 điểm thuộc huyện Đắk Hà; tỉnh Gia Lai có 4 điểm thuộc huyện Chư Prông và huyện Chư Sê; tỉnh Đắk Lắk có 2 điểm thuộc huyện Krông Buk; tỉnh Đắk Nông có 1 điểm ở huyện Đắk Song. Ngoài ra, chúng tôi chọn 2 điểm đối chứng là Vườn Quốc gia Chư Mom Ray (tỉnh Kon Tum) và Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh (tỉnh Gia Lai). Các điểm điều tra định lượng trên phản ánh 4 kiểu cảnh quan chính như sau:

*Sinh cảnh 1* (SC1): Gồm các điểm thị trấn Đắk Hà; xã Đắk Mar (huyện Đắk Hà), thuộc tỉnh Kon Tum. Đặc điểm của cảnh quan này là rừng tự nhiên có bị khai thác (khu rừng đặc dụng Đắk Uy) và có các cây trồng là keo, bạch đàn, cà phê, cao su, lúa nước. *Sinh cảnh 2* (SC2): Gồm các điểm xã Ia Băng (huyện Chư Prông), thị trấn Chư Sê; xã Ia Glai, xã Ia Pal (huyện Chư Sê), thuộc tỉnh Gia Lai. Đặc điểm của cảnh quan này là các cây ăn quả, cây che bóng mát, cây bụi ở khu dân cư và các cây công nghiệp: Cao su, cà phê, điều, tiêu, chè, cây nông nghiệp chỉ chủ yếu là lúa nước. *Sinh cảnh 3* (SC3): Gồm các điểm xã Pong Drang (huyện Krông Búk) và thị xã Buôn Hồ thuộc tỉnh Đắk Lắk. Đặc điểm của cảnh quan này là rừng trồng thông, keo và các cây nông nghiệp (sắn, ngô, lúa nước), cây công nghiệp chủ yếu là cà phê, ngoài ra còn có tiêu, cao su và ca cao. *Sinh cảnh 4* (SC4): Gồm có điểm xã Nậm Njang (huyện Đắk Song), thuộc tỉnh Đắk Nông. Đặc điểm của cảnh quan này là rừng phục hồi tái sinh và rừng trồng (thông, keo), cây trồng công nghiệp: Cà phê, ngoài ra còn có cao su, điều, tiêu, cây nông nghiệp có ít: Lúa nước, sắn, ngô.

*Đối chứng 1* (ĐC1): Vườn Quốc gia Chư Mom Ray, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và *Đối chứng 2* (ĐC2): Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai là nơi rừng tự nhiên được bảo vệ.

Mẫu vật được thu thập bằng phương pháp thông thường là vợt và bẫy đèn. Mẫu vật được bảo quản và lưu giữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua ba năm điều tra nghiên cứu (2008, 2009 và 2011) chúng tôi đã thu được 587 mẫu Xén tóc; kết quả phân tích đã ghi nhận được 179 loài thuộc 97 giống ở đoạn đường Hồ Chí Minh đi qua 4 tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và 2 điểm đối chứng ở 2 tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Nếu tính tổng số loài ở cả 4 cảnh quan dọc đường Hồ Chí Minh gồm 57 loài (31,8%) thì thấy rằng số lượng loài này thấp hơn so với hai điểm đối chứng là VQG Kon Ka Kinh 99 loài (55,3%) và VQG Chư Mom Ray 65 loài (36,3%) và thấp nhất so với kết quả điều tra về xén tóc ở đường Hồ Chí Minh của 2 giai đoạn trước (Bảng 1).

Đáng chú ý là 2 loài thuộc giống *Dorysthenes*: *D. granulosus* và *D. walkeri*, sâu non của chúng ăn rễ của nhiều loại cây trồng nên chúng là nguy cơ tiềm ẩn cho các vùng chuyên canh cây công nghiệp.

Kết quả nghiên cứu đã bổ sung cho khu hệ xén tóc Việt Nam 22 loài: *Acrocyrtidus avarus* Holzschuh, *Aeolesthes aurifaber* (White), *Antennohyllisia rondoni* Breuning, *Astathes splendida* Fabricius, *Bacchisa comata* (Gahan), *Cataphrodisium superbum* (Pic), *Celosterna fabricii* Thomson, *Celosterna pollinosa* Buquet, *Erythrurus atripennis* Pic, *Estigmenida variabilis* Gahan, *Glenea laosensis* Breuning, *Glenea lineatithorax* Pic, *Glenea proserpina* Thomson, *Leptura miniacea* Gahan, *Lychrosia caballina* Gressitt, *Mispila sonthianae* Breuning, *Nedine longipes* Thomson, *Obereopsis parasumatrensis* Breuning, *Obereopsis sericea* (Gahan), *Rhaphuma placida* Pascoe, *Rhytidodera bowringii* White và *Rhytidodera grandis* Thomson. Trong đó chỉ có 2 loài là *Nedine longipes* Thomson và *Rhaphuma placida* Pascoe thu ở điểm CQ 1: Rừng đặc dụng Đắk Uy (Đắk Mar, Đắk Hà, Kon Tum) thuộc đoạn đường Hồ Chí Minh, còn 20 loài khác đều nằm ở 2 Vườn Quốc gia (ĐC1 và ĐC2). Các loài này cùng với nhiều loài khác đang được xếp ở dạng sp., với nhiều loài có thể là loài mới cho khoa học, chứng tỏ các rừng tự nhiên có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ nguồn gen, sự đa dạng của côn trùng.

Bảng 1

Phân bố theo cảnh quan của các loài xén tóc ở Tây Nguyên

TT	Loài	SC1	SC2	SC3	SC4	ĐC1	ĐC2
1.	<i>Acalolepta griseipennis</i> (Thomson)					+	+
2.	<i>Acalolepta proxima</i> (Breuning)						+
3.	<i>Acalolepta sublusca</i> (Thomson)					+	+
4.	<i>Acrocyrtidus avarus</i> Holzschuh*						+
5.	<i>Aeolesthes aureopilosa</i> Gressitt et Rondon		+				
6.	<i>Aeolesthes aurifaber</i> (White)*						+
7.	<i>Allotraeus (Nysina) orientalis</i> (White)		+				
8.	<i>Annamanum chebanum</i> (Gahan)						+
9.	<i>Antennohyllisia rondoni</i> Breuning*					+	
10.	<i>Anubis cyaneus</i> Pic						+
11.	<i>Apriona germari</i> (Hope)					+	+
12.	<i>Arhopalus exoticus</i> (Sharp)	+					
13.	<i>Artimpaza curtelineata</i> (Pic)						+
14.	<i>Astathes janthinipennis</i> Fairmaire					+	+
15.	<i>Astathes splendida</i> Fabricius*						+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Loài	SC1	SC2	SC3	SC4	ĐC1	ĐC2
16.	<i>Bacchisa comata</i> (Gahan)*						+
17.	<i>Bandar pascoei</i> (Lansberge)						+
18.	<i>Batocera rubus</i> (Linnaeus)					+	+
19.	<i>Batocera rufomaculata</i> (De Geer)				+		
20.	<i>Blepephaeus fulvus</i> (Pic)		+				
21.	<i>Cataphrodium superbum</i> (Pic)*						+
22.	<i>Celosterna fabricii</i> Thomson*					+	
23.	<i>Celosterna pollinosa</i> Buquet*						+
24.	<i>Ceresium leucosticticum</i> White		+				
25.	<i>Chloridolum jeanvoinei</i> (Pic)			+	+	+	+
26.	<i>Chloridolum</i> sp.1				+		
27.	<i>Chloridolum</i> sp.2				+		
28.	<i>Chloridolum</i> sp.3						+
29.	<i>Chlorophorus annularis</i> (Fabricius)					+	
30.	<i>Chlorophorus arciferus</i> (Chevrolat)						+
31.	<i>Chlorophorus reductus</i> Pic			+	+	+	+
32.	<i>Choeromorpha</i> sp.1						+
33.	<i>Cleomenes nigricollis</i> Fairmaire				+		+
34.	<i>Cleptomtopus</i> sp.1					+	
35.	<i>Comusia apicalis</i> (Pic)				+	+	
36.	<i>Coptops leucostictica</i> White	+					
37.	<i>Coptops pascoei</i> Gahan		+				
38.	<i>Cremnosterna carissima</i> (Pascoe)	+				+	
39.	<i>Crucihammus</i> sp.1						+
40.	<i>Cylindrepomus</i> sp.1					+	
41.	<i>Cyriopalus wallacei</i> Pascoe						+
42.	<i>Demonax alcanor</i> Gressitt et Rondon				+		
43.	<i>Demonax bowringii</i> (Pascoe)						+
44.	<i>Derolus blaisei</i> Pic		+				
45.	<i>Dialeges undulatus</i> Gahan	+	+				
46.	<i>Diastocera wallichi dalatensis</i> Breuning						+
47.	<i>Diboma procera</i> (Pascoe)			+			
48.	<i>Diorthus cinereus</i> (Fabricius)	+	+				
49.	<i>Dorysthenes beli</i> Lameere					+	+
50.	<i>Dorysthenes buqueti</i> (Guérin)						+
51.	<i>Dorysthenes granulatus</i> (Thomson)			+	+	+	+
52.	<i>Dorysthenes walkeri</i> (Waterhouse)					+	+
53.	<i>Embrik-strandia unifasciata</i> (Ritsema)						+
54.	<i>Epepeotes luscus</i> (Fabricius)					+	
55.	<i>Epepeotes vestigialis</i> Pascoe						+
56.	<i>Epipedocera atra</i> Pic						+
57.	<i>Erythrurus atripennis</i> Pic*						+
58.	<i>Estigmenida variabilis</i> Gahan*					+	
59.	<i>Euchlanis minutus</i> (Pic)		+				

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Loài	SC1	SC2	SC3	SC4	ĐC1	ĐC2
60.	<i>Eunidia lateralis</i> Gahan					+	
61.	<i>Eunidia rondoni</i> Breuning					+	
62.	<i>Eunidia vittata</i> (Pic)						+
63.	<i>Eurypoda batesi</i> Gahan						+
64.	<i>Eurypoda nigrita</i> Thomson						+
65.	<i>Exocentrus guttulatus obscurior</i> Pic					+	
66.	<i>Falsomesosella annamensis</i> Breuning	+	+				
67.	<i>Falsomesosella nigronotata</i> Pic					+	
68.	<i>Gelonaetha hirta</i> (Fairmaire)		+				
69.	<i>Glenea cardinalis langana</i> Pic					+	+
70.	<i>Glenea cantor</i> (Fabricius)	+	+			+	
71.	<i>Glenea diana</i> Thomson						+
72.	<i>Glenea indiana</i> (Thomson)					+	
73.	<i>Glenea laosensis</i> Breuning*						+
74.	<i>Glenea lineatithorax</i> Pic*						+
75.	<i>Glenea nigromaculata</i> Thomson					+	+
76.	<i>Glenea proserpina</i> Thomson*					+	+
77.	<i>Glenea pulchra</i> Aurivillius			+		+	+
78.	<i>Glenea relictata</i> Pascoe						+
79.	<i>Glenea subviridescens</i> Breuning						+
80.	<i>Glenea</i> sp.1					+	
81.	<i>Gnatholea eburifera</i> Thomson	+	+				+
82.	<i>Hoplocerambyx spinicornis</i> (Newman)		+			+	+
83.	<i>Hoplothrix blairi</i> Breuning	+	+	+			
84.	<i>Imantocera penicillata</i> (Hope)				+		
85.	<i>Leptura miniacea</i> Gahan*						+
86.	<i>Lychrosis caballina</i> Gressitt*						+
87.	<i>Lychrosis humerosa</i> (Thomson)						+
88.	<i>Macrochenus isabellinus</i> Aurivillius					+	
89.	<i>Macrotoma crenata</i> (Fabricius)					+	+
90.	<i>Macrotoma fisheri</i> Waterhouse					+	
91.	<i>Macrotoma spinosa</i> (Fabricius)					+	
92.	<i>Massicus trilineatus</i> (Pic)						+
93.	<i>Megopsis maculosa</i> (Thomson)					+	+
94.	<i>Megopsis marginalis</i> (Fabricius)					+	+
95.	<i>Megopsis sinica ornatcollis</i> (White)						+
96.	<i>Megopsis sinica sinica</i> (White)						+
97.	<i>Merionoeda baliosmerion</i> Gressitt et Rondon					+	
98.	<i>Merionoeda</i> sp.1						+
99.	<i>Mesosa (Aphelocnemia) tonkinea</i> Breuning	+					
100.	<i>Mispila sonthianae</i> Breuning*					+	
101.	<i>Monochamus bimaculatus</i> Gahan					+	
102.	<i>Monochamus</i> sp.1			+			
103.	<i>Monochamus</i> sp.2						+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Loài	SC1	SC2	SC3	SC4	ĐC1	ĐC2
104.	<i>Nedine longipes</i> Thomson*	+					
105.	<i>Nida flavovittata</i> Pascoe		+				
106.	<i>Niphona malaccensis</i> (White)		+				
107.	<i>Niphona parallela</i> (White)					+	
108.	<i>Noserius tibialis</i> Pascoe						+
109.	<i>Nupserha lenita</i> Pascoe					+	+
110.	<i>Nupserha fricator</i> (Dalman)						+
111.	<i>Nupserha nigriceps</i> Gahan			+			+
112.	<i>Nyphasia pascoei</i> Lacordaire		+				
113.	<i>Oberea birmanica</i> Gahan					+	
114.	<i>Oberea consentanea</i> Pascoe					+	+
115.	<i>Oberea fuscipennis</i> Pascoe						+
116.	<i>Oberea nigriventris</i> Bates					+	
117.	<i>Oberea subabdominalis</i> Breuning					+	+
118.	<i>Oberea</i> sp.1						+
119.	<i>Oberea</i> sp.2						+
120.	<i>Obereopsis lineaticeps</i> (Pic)						+
121.	<i>Obereopsis monica</i> (Gahan)						+
122.	<i>Obereopsis parasumatrensis</i> Breuning*					+	+
123.	<i>Obereopsis sericea</i> (Gahan)*						+
124.	<i>Obereopsis subsapaensis</i> Breuning						+
125.	<i>Obereopsis walshae</i> Fisher						+
126.	<i>Obereopsis</i> sp.1					+	+
127.	<i>Obereopsis</i> sp.2						+
128.	<i>Obereopsis</i> sp.3						+
129.	<i>Obereopsis</i> sp.4						+
130.	<i>Obereopsis</i> sp.5						+
131.	<i>Olenecamptus bilobus</i> (Fabricius)				+		+
132.	<i>Olenecamptus dominus</i> Thomson		+			+	
133.	<i>Ostedes ochreopicta</i> Breuning					+	
134.	<i>Ostedes</i> sp.1					+	
135.	<i>Pachylocerus sulcatus</i> Brongniart						+
136.	<i>Pachyteria coomani</i> Pic						+
137.	<i>Palimna annulata</i> (Olivier)						+
138.	<i>Paragnia</i> sp.1						+
139.	<i>Perissus mutabilis</i> Gahan				+		
140.	<i>Plocaederus obesus</i> Gahan		+	+	+		
141.	<i>Plocaederus ruficornis</i> (Newman)		+	+	+	+	
142.	<i>Pothyne septemvittipennis</i> Breuning					+	
143.	<i>Pothyne variegata</i> Thomson	+	+				+
144.	<i>Pothyne</i> sp.1						+
145.	<i>Prothema aurata</i> Gahan						+
146.	<i>Prothema signata</i> Pascoe						+
147.	<i>Pterolophia humerosa</i> (Thomson)					+	
148.	<i>Pterolophia (Hylobrotus)</i> sp.1			+			
149.	<i>Pterolophia (Hylobrotus)</i> sp.2				+		

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Loài	SC1	SC2	SC3	SC4	ĐC1	ĐC2
150.	<i>Pterolophia (Mimoron) flavomarmorata</i> Breuning				+		
151.	<i>Pterolophia (Pterolophia) sp.1</i>				+		
152.	<i>Pterolophia (Pterolophia) sp.2</i>		+				
153.	<i>Pterolophia (Pterolophia) sp.3</i>		+				
154.	<i>Remphan hopei</i> Waterhouse					+	
155.	<i>Rhaphipodus fruhstorferi</i> Lameere						+
156.	<i>Rhaphuma placida</i> Pascoe*	+					
157.	<i>Rhytidodera bowringii</i> White*						+
158.	<i>Rhytidodera grandis</i> Thomson*						+
159.	<i>Rhytidodera integra</i> Kolbe		+				
160.	<i>Rosalia decempunctata</i> (Westwood)						+
161.	<i>Serixia apicefuscipennis</i> Breuning					+	
162.	<i>Serixia laosensis</i> Breuning					+	
163.	<i>Serixia prolata</i> (Pascoe)					+	
164.	<i>Serixia sedata</i> Pascoe					+	
165.	<i>Spinexocentrus sp.1</i>				+		
166.	<i>Sthenias pascoei</i> Ritsema					+	+
167.	<i>Stibara rufina</i> Pascoe					+	
168.	<i>Stibara sp.1</i>					+	
169.	<i>Stromatium longicorne</i> (Newman)	+	+				+
170.	<i>Tetraspithalmus gibbcollis</i> (Thomson)					+	
171.	<i>Thermonotus nigripes</i> Gahan						+
172.	<i>Thranium ornatus</i> Gressitt et Rondon	+					
173.	<i>Xenolea asiatica</i> (Pic)	+	+				
174.	<i>Xoanodera maculata</i> Schwarzer						+
175.	<i>Xoanodera regularis</i> Gahan		+				
176.	<i>Xoanodera vitticollis</i> Gahan					+	
177.	<i>Xylorhiza adusta</i> (Wiedmann)						+
178.	<i>Xystrocera festiva</i> Thomson						+
179.	<i>Xystrocera globosa</i> (Olivier)	+	+			+	+
<b>Tổng số</b>		<b>17</b>	<b>29</b>	<b>11</b>	<b>18</b>	<b>65</b>	<b>99</b>

Ghi chú: (\*): Ghi nh ậnmới cho khu hệ Việt Nam; ĐC1: VQG Chư Mom Ray; ĐC2: VQG Kon Ka Kinh.

### III. KẾT LUẬN

Đọc tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua 4 tỉnh của Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông) đã ghi nhận được 57 loài xén tóc; trong khi đó ở VQG Chư Mom Ray ghi nhận được 65 loài và VQG Kon Ka Kinh 99 loài.

Bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 22 loài xén tóc: *Acrocyrtidus avarus* Holzschuh, *Aeolesthes aurifaber* (White), *Antennohyllisia rondoni* Breuning, *Astathes splendida* Fabricius, *Bacchisa comata* (Gahan), *Cataphrodium superbum* (Pic), *Celosterna fabricii* Thomson, *Celosterna pollinosa* Buquet, *Erythrurus atripennis* Pic, *Estigmenida variabilis* Gahan, *Glenea laosensis* Breuning, *Glenea lineatithorax* Pic, *Glenea proserpina* Thomson, *Leptura miniacea* Gahan, *Lychrosis caballina* Gressitt, *Mispila sonthianae* Breuning, *Nedine longipes* Thomson, *Obereopsis parasumatrensis* Breuning, *Obereopsis sericea* (Gahan), *Rhaphuma placida* Pascoe, *Rhytidodera bowringii* White và *Rhytidodera grandis* Thomson.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Gahan C. J.**, 1906: The Fauna of British India including Ceylon and Burma, Colroptera, vol. 1. (Cerambycidae), London, 329 pp.
2. **Gressitt J. L.**, 1951: Longicorn beetles of China. Longicornia, vol. II. Paul Lechevalier, Paris, 667 pp.
3. **Gressitt J. L. et al**, 1970: Cerambycid-beetles of Laos, Pacific Insects Monograph, 24: i-vi, 651 pp.
4. **Hoàng Vũ Trụ, Tạ Huy Thịnh**, 2006: Hội thảo Khoa học công nghệ quản lý nông học vì sự phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 543-550.
5. **Hoàng Vũ Trụ, Cao Thị Quỳnh Nga, Tạ Huy Thịnh**, 2009: Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ ba, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 394-400.
6. **Holzschuh C.**, 1999: Beschreibung von 71 neuen Bockkoffern aus Asien, vorwiegend aus China, Laos, Thailand und Indien (Coleoprera, Cerambycidae). FBVA-Berichte, Wien, (110): 64 pp.
7. **Tạ Huy Thịnh, Hoàng Vũ Trụ**, 2005: Báo cáo Khoa học, Hội nghị toàn quốc Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong Khoa học sự sống, NXB. KH&KT, Hà Nội, tr. 302-304.
8. **Villieres A., M. Chujo**, 1961: Nature and life in Southeast Asia, Vol I: 341-347.
9. **Villieres A., M. Chujo**, 1964: Nature and life in Southeast Asia, Vol III: 244-251.

### RESULT OF THE SURVEY ON LONGHORN BEETLES (CERAMBYCIDAE, COLEOPTERA) ALONG THE HOCHIMINH ROAD THROUGH TAY NGUYEN HIGHLAND

HOANG VU TRU, TA HUY THINH, CAO THI QUYNH NGA

#### SUMMARY

Based on 587 specimens what were collected during three years (2008, 2009, and 2011) along the Ho Chi Minh route through 4 provinces such as Kontum, Gialai, Daklak and Daknong of Tay Nguyen highland and two National Parks (in Kontum and Gialai provinces), 179 species were identified. While in the cites of trails were closed with the Ho Chi Minh road were recorded only 57 longhorn beetle species instead of 99 and 65 species were discovered from Kon Ka Kinh and Chu Mom Ray national parks respectively.

Twenty two species are first records to Vietnam fauna, named *Acrocyrtydus avarus* Holzschuh, *Aeolesthes aurifaber* (White), *Antennohyllisia rondoni* Breuning, *Astathes splendida* Fabricius, *Bacchisa comata* (Gahan), *Cataphrodisium superbum* (Pic), *Celosterna fabricii* Thomson, *Celosterna pollinosa* Buquet, *Erythrus atripennis* Pic, *Estigmenida variabilis* Gahan, *Glenea laosensis* Breuning, *Glenea lineatithorax* Pic, *Glenea proserpina* Thomson, *Leptura miniacea* Gahan, *Lychrosis caballina* Gressitt, *Mispila sonthianae* Breuning, *Nedine longipes* Thomson, *Obereopsis parasumatrensis* Breuning, *Obereopsis sericea* (Gahan), *Rhaphuma placida* Pascoe, *Rhytidodera bowringii* White and *Rhytidodera grandis* Thomson.